

**PHỤ LỤC****Nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày /12/2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC THẨM TRA</b>		
<b>1</b>	<b>Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	3.000.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	400.000
<b>2</b>	<b>Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra</b>		
a	Chủ trì, Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/người/nội dung	250.000
	Cấp xã	đồng/người/nội dung	100.000
b	Thành viên dự họp theo danh sách họp		
	Cấp tỉnh	đồng/người/nội dung	200.000
	Cấp xã	đồng/người/nội dung	80.000
c	Phục vụ cuộc họp		
	Cấp tỉnh	đồng/người/nội dung	100.000
	Cấp xã	đồng/người/nội dung	50.000
<b>II</b>	<b>CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KHẢO SÁT</b>		
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (nghị quyết/quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát)</b>		
a	Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND, giám sát của Thường trực HĐND		

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	4.500.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	500.000
b	Đối với hoạt động giám sát của các Ban HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	3.000.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	400.000
c	Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	1.000.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	300.000
<b>2</b>	<b>Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát</b>		
a	Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND, giám sát của Thường trực HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/văn bản	5.000.000
	Cấp xã	đồng/văn bản	700.000
b	Đối với hoạt động giám sát của Ban HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/văn bản	4.000.000
	Cấp xã	đồng/văn bản	500.000
c	Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND	đồng/văn bản	
	Cấp tỉnh	đồng/văn bản	1.000.000
	Cấp xã	đồng/văn bản	300.000
<b>3</b>	<b>Chi xây dựng bộ hồ sơ khảo sát (kế hoạch, đề cương khảo sát)</b>		
a	Đối với hoạt động khảo sát của Thường trực HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	2.300.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	300.000
b	Đối với hoạt động khảo sát của các Ban HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	1.500.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	250.000
c	Đối với hoạt động khảo sát của Tổ đại biểu HĐND		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	400.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	200.000
<b>4</b>	<b>Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát</b>		
a	Đối với hoạt động khảo sát của Thường trực HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	2.300.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	300.000
b	Đối với hoạt động khảo sát của các Ban HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	1.500.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	250.000
c	Đối với hoạt động khảo sát của Tổ đại biểu HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	400.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	200.000
<b>5</b>	<b>Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát</b>		
a	Lãnh đạo Đoàn		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	250.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	100.000
b	Thành viên tham gia Đoàn theo danh sách mời và chuyên viên tham mưu, giúp việc		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	200.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	80.000
c	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	150.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	50.000
<b>6</b>	<b>Chế độ chi mời chuyên gia phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát của cấp tỉnh</b>	đồng/bài viết	4.500.000
<b>III</b>	<b>CHI CHO HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN, GIẢI TRÌNH</b>		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	<b>Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn (tổng hợp ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết phiên giải trình) tại kỳ họp HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/bộ hồ sơ	1.000.000
	Cấp xã	đồng/bộ hồ sơ	250.000
2	<b>Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND về chất vấn (nếu có)</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/nghị quyết	5.000.000
	Cấp xã	đồng/nghị quyết	700.000
3	<b>Chi xây dựng Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân về kết luận phiên giải trình (nếu có)</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/nghị quyết	3.000.000
	Cấp xã	đồng/nghị quyết	500.000
IV	<b>CHI TIẾP XÚC CỬ TRI THEO CHƯƠNG TRÌNH TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA HĐND; TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HĐND</b>		
1	<b>Chi hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri (Trường hợp điểm tổ chức tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND nhiều cấp thì chỉ được hỗ trợ theo mức cao nhất)</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/điểm	2.000.000
	Cấp xã	đồng/điểm	600.000
2	<b>Chế độ tiếp xúc cử tri (Ngoài chế độ công tác phí theo quy định pháp luật hiện hành)</b>		
	a	Đại biểu HĐND	
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	250.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	100.000
b	Công chức trực tiếp phục vụ tiếp xúc cử tri		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	200.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	80.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
<b>3</b>	<b>Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	400.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	150.000
<b>4</b>	<b>Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình kỳ họp HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	1.500.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	250.000
<b>5</b>	<b>Đại biểu HĐND tiếp công dân</b>	đồng/ngày/người	
	Cấp tỉnh	đồng/ngày/người	200.000
	Cấp xã	đồng/ngày/người	150.000
<b>V</b>	<b>CHI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC</b>		
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Đảng ủy HĐND, Thường trực HĐND, các ban HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/văn bản	2.000.000
	Cấp xã	đồng/văn bản	200.000
<b>2</b>	<b>Chi xây dựng báo cáo hoạt động định kỳ của Thường trực HĐND, các ban HĐND trình tại kỳ họp HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/báo cáo	2.000.000
	Cấp xã	đồng/báo cáo	200.000
<b>VI</b>	<b>CHI XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NGHỊ QUYẾT</b>		
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng nghị quyết của HĐND do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/ng nghị quyết	5.000.000
	Cấp xã	đồng/ng nghị quyết	700.000
<b>2</b>	<b>Chi xây dựng nghị quyết của Thường trực HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/ng nghị quyết	1.000.000

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
	Cấp xã	đồng/ng nghị quyết	300.000
3	Chi cho bộ phận chuyên môn thực hiện rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi HĐND thông qua		
	Cấp tỉnh	đồng/ng nghị quyết	600.000
	Cấp xã	đồng/ng nghị quyết	200.000
<b>VII</b>	<b>CHI CHẾ ĐỘ HỌP</b>		
<b>1</b>	<b>Kỳ họp HĐND</b>		
a	Chủ tọa kỳ họp		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	400.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	120.000
b	Đại biểu HĐND, Thư ký kỳ họp, đại biểu mời tham dự kỳ họp theo danh sách mời		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	300.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	100.000
c	Phục vụ kỳ họp		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	200.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	50.000
<b>2</b>	<b>Cuộc họp, Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm do Đảng ủy HĐND tỉnh; Thường trực HĐND, các Ban của HĐND các cấp; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổ chức</b>		
a	Chủ trì; Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND (đối với cuộc họp không phải do Thường trực HĐND tổ chức)		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	250.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	100.000
b	Thành viên dự họp theo danh sách họp		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	200.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	80.000
c	Phục vụ cuộc họp		
	Cấp tỉnh	đồng/người/buổi	100.000
	Cấp xã	đồng/người/buổi	50.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
<b>VIII</b>	<b>CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ</b>		
<b>1</b>	<b>Chế độ hoạt động phí hàng tháng của đại biểu HĐND được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</b>		
<b>2</b>	<b>Đại biểu HĐND kiêm nhiệm các chức danh của HĐND các cấp được hưởng phụ cấp bằng 10% mức lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng theo quy định.</b>		
<b>3</b>	<b>Đại biểu HĐND chuyên trách được hưởng phụ cấp công tác chuyên trách</b>		
<b>a</b>	<b>Cấp tỉnh</b>		
	Chủ tịch HĐND	đồng/người/tháng	3.700.000
	Phó Chủ tịch HĐND	đồng/người/tháng	3.500.000
	Trưởng ban HĐND	đồng/người/tháng	3.200.000
	Phó Trưởng ban HĐND	đồng/người/tháng	3.000.000
	Ủy viên chuyên trách Ban HĐND	đồng/người/tháng	2.800.000
<b>b</b>	<b>Cấp xã</b>		
	Chủ tịch HĐND	đồng/người/tháng	1.350.000
	Phó Chủ tịch HĐND	đồng/người/tháng	1.100.000
	Trưởng ban HĐND	đồng/người/tháng	800.000
	Phó Trưởng ban HĐND	đồng/người/tháng	600.000
<b>4</b>	<b>Phụ cấp Tổ đại biểu HĐND</b>		
<b>a</b>	<b>Tổ trưởng</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/người/tháng	200.000
	Cấp xã	đồng/người/tháng	70.000
<b>b</b>	<b>Tổ phó</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/người/tháng	100.000
	Cấp xã	đồng/người/tháng	50.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
5	<b>Chế độ hỗ trợ cho đại biểu HĐND các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</b>		
6	<b>Khoản chi chế độ thông tin, báo chí cho đại biểu HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/người/tháng	500.000
	Cấp xã	đồng/người/tháng	80.000
7	<b>Hàng năm, đại biểu HĐND được cấp tiền để khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ với hình thức khoán (trong năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND tái cử được cấp tiền khám, chăm sóc sức khỏe một lần).</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/người/năm	4.000.000
	Cấp xã	đồng/người/năm	1.200.000
8	<b>Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu HĐND được cấp tiền may 02 bộ lễ phục (Trường hợp đồng thời là đại biểu HĐND hai cấp thì chỉ hưởng một mức cao nhất). Công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã được giao tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã được cấp tiền may lễ phục bằng 80% mức chi cho đại biểu HĐND cùng cấp.</b>		
a	Cấp tỉnh		
	Đại biểu HĐND tỉnh	đồng/người/bộ	5.000.000
	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	đồng/người/bộ	4.000.000
b	Cấp xã		
	Đại biểu HĐND cấp xã	đồng/người/bộ	2.000.000
	Văn phòng HĐND và UBND	đồng/người/bộ	1.600.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
9	<b>Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu HĐND tỉnh, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp tham mưu, phục vụ đại biểu chuyên trách HĐND tỉnh được cấp một thiết bị điện tử để phục vụ cho hoạt động của HĐND tỉnh. Mức chi cụ thể do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.</b>		
<b>IX</b>	<b>CHẾ ĐỘ CHI TẶNG QUÀ</b>		
1	<b>Chi tặng quà lưu niệm</b>		
a	Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND		
	Cấp tỉnh	đồng/người	4.000.000
	Cấp xã	đồng/người	750.000
b	Đại biểu HĐND tỉnh chuyên trách khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ việc, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm	đồng/người	3.000.000
2	<b>Khoán chi tặng quà khi Đoàn công tác của Thường trực HĐND tỉnh, Ban HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Khánh Hòa đi trao đổi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Đoàn công tác các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến trao đổi học tập kinh nghiệm tại tỉnh Khánh Hòa</b>		
a	Đoàn công tác của Thường trực HĐND tỉnh	đồng/tỉnh, thành phố	5.000.000
b	Đoàn công tác của Ban HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	đồng/tỉnh, thành phố	4.000.000
<b>X</b>	<b>CHI CÔNG TÁC XÃ HỘI</b>		
1	<b>Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện cho đại biểu HĐND; nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND</b>		
a	Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm)		
	Cấp tỉnh	đồng/người/lần	1.000.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Cấp xã (bao gồm đối tượng nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND cấp huyện trước đây đang cư trú trên địa bàn)	đồng/người/lần	400.000
b	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)		
	Cấp tỉnh	đồng/người/lần	5.000.000
	Cấp xã (bao gồm đối tượng nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND cấp huyện trước đây đang cư trú trên địa bàn)	đồng/người/lần	2.000.000
2	<b>Phúng điếu đại biểu HĐND; cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của chồng (hoặc vợ), mẹ đẻ của chồng (hoặc vợ), chồng (hoặc vợ), con của đại biểu HĐND</b>		
	Cấp tỉnh	đồng/người	1.000.000
	Cấp xã (bao gồm đối tượng nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND cấp huyện trước đây đang cư trú trên địa bàn)	đồng/người	500.000
3	<b>Công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; lãnh đạo, công chức Văn phòng HĐND và UBND cấp xã (trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân) được thực hiện chế độ thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, phúng điếu như đại biểu HĐND cùng cấp.</b>		
4	<b>Chi thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán đối với đại biểu HĐND chuyên trách đã nghỉ hưu (Thời điểm nghỉ hưu là đại biểu HĐND chuyên trách)</b>		
a	Cấp tỉnh		
	Chủ tịch HĐND	đồng/người	4.000.000
	Phó Chủ tịch HĐND	đồng/người	3.700.000
	Trưởng ban HĐND	đồng/người	3.500.000
	Phó Trưởng ban HĐND	đồng/người	3.000.000
	Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND	đồng/người	3.500.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
b	Cấp xã (bao gồm đối tượng nguyên là đại biểu HĐND chuyên trách cấp huyện trước đây đang cư trú trên địa bàn)		
	Chủ tịch HĐND	đồng/người	1.100.000
	Phó Chủ tịch HĐND	đồng/người	1.000.000
	Trưởng ban HĐND	đồng/người	900.000
	Phó Trưởng ban HĐND	đồng/người	800.000
5	<b>Chi thăm hỏi các đơn vị, gia đình chính sách thực hiện chung theo chủ trương của Tỉnh</b>		
6	<b>Chi thăm hỏi, phúng điếu, lễ tết đối với các đối tượng khác do Thường trực HĐND các cấp quyết định</b>		